

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán riêng	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12-51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP là Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội trước đây là Tổng Công ty Nhà nước chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và của các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật, được thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 15 tháng 08 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Xuân Dũng	Chủ tịch
Ông: Nghiêm Sĩ Minh	Thành viên
Ông: Nguyễn Minh Cương	Thành viên
Ông: Nguyễn Đỗ Quý	Thành viên
Ông: Đậu Văn Diệm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đậu Văn Diệm	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Minh Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Mai Trung Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đào Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Dương Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Đỗ Quý	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Đinh Công Thụy	Trưởng ban
Bà: Võ Thị Thu Hương	Thành viên
Ông: Dương Mạnh Hùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

Số: 1561/2017/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP được lập ngày 14 tháng 04 năm 2017, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, số dư công nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận khoảng 394 tỷ đồng chiếm 11,79% công nợ phải thu (Mã số 130, 216), số dư công nợ phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận khoảng 173,6 tỷ đồng chiếm 11,8% công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 319). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu của các khoản công nợ chưa đối chiếu cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của các khoản mục nêu trên đối với Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Tại thời điểm 31/12/2016, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác với tổng giá trị các khoản đầu tư là: 69,88 tỷ đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ về số dư công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ và chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2017

Phạm Thị Xuân Thu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1462-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.091.829.400.240	4.300.772.900.617
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	225.244.265.439	254.875.403.305
111	1. Tiền		225.244.265.439	254.875.403.305
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.439.250.000	8.414.046.479
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.439.250.000	8.414.046.479
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.340.787.496.322	3.035.684.735.696
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.292.327.010.651	1.995.692.192.517
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	449.311.235.485	458.978.095.246
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	599.306.419.544	581.171.617.291
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(157.169.358)	(157.169.358)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.519.108.609.410	999.943.398.509
141	1. Hàng tồn kho		1.519.108.609.410	999.943.398.509
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.249.779.069	1.855.316.628
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	-	253.011.176
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.249.779.069	1.599.905.452
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	2.400.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.468.637.850.594	1.475.359.693.136
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.000.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		41.089.123.478	54.428.269.575
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	37.657.930.575	50.890.571.672
222	- Nguyên giá		77.562.481.898	89.893.850.080
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.904.551.323)	(39.003.278.408)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.431.192.903	3.537.697.903
228	- Nguyên giá		4.186.700.000	4.186.700.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(755.507.097)	(649.002.097)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	251.323.001.470	257.006.029.825
231	- Nguyên giá		272.594.107.367	272.594.107.367
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.271.105.897)	(15.588.077.542)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		560.150.000	560.150.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	560.150.000	560.150.000

250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	1.043.005.619.818	1.017.018.052.418
251	1. Đầu tư vào công ty con		176.290.636.548	156.012.240.855
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		695.299.220.710	856.276.366.403
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		409.458.908.037	242.772.590.637
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(238.043.145.477)	(238.043.145.477)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		131.659.955.828	145.347.191.318
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	126.173.169.078	142.410.777.568
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.a	5.486.786.750	2.936.413.750
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>6.560.467.250.834</u>	<u>5.776.132.593.753</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.038.977.883.982	4.252.540.132.084
310	I. Nợ ngắn hạn		3.434.274.893.547	3.757.656.983.617
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	406.298.222.985	532.082.438.084
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	994.070.198.400	630.858.218.267
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	120.696.468.948	1.032.796.336.446
314	4. Phải trả người lao động		8.111.072.789	10.131.733.045
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.110.815.737.919	1.004.464.353.467
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	32.772.727	32.772.728
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	72.161.351.951	69.267.301.635
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	718.007.480.214	476.059.902.441
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.081.587.614	1.963.927.504
330	II. Nợ dài hạn		1.604.702.990.435	494.883.148.467
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	529.912.837.895	302.098.269.377
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	403.991.300	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	1.074.386.161.240	192.784.879.090
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.521.489.366.852	1.523.592.461.669
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.521.489.366.852	1.523.592.461.669
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		10.329.932.105	5.413.630.964
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.679.434.747	107.698.830.705
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.106.546.812)	9.431.236.058
421b	LNST chưa phân phối năm nay		103.785.981.559	98.267.594.647
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.560.467.250.834	5.776.132.593.753


Nguyễn Quang Huy
Người lập


Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng


Đậu Văn Diện
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	2.670.967.602.873	2.409.686.187.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.670.967.602.873	2.409.686.187.514
11	4. Giá vốn hàng bán	25	2.508.930.226.129	2.224.103.565.754
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		162.037.376.744	185.582.621.760
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	76.890.030.122	51.174.243.617
22	7. Chi phí tài chính	27	44.279.570.749	28.875.956.897
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		44.279.570.749	28.128.894.354
25	8. Chi phí bán hàng		45.149.477	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	71.298.504.164	83.457.475.239
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		123.304.182.476	124.423.433.241
31	11. Thu nhập khác	29	27.688.128.022	20.613.971.845
32	12. Chi phí khác	30	22.566.840.820	20.777.738.897
40	13. Lợi nhuận khác		5.121.287.202	(163.767.052)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		128.425.469.678	124.259.666.189
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	27.189.859.119	27.287.017.542
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32.b	(2.550.373.000)	(1.294.946.000)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>103.785.983.559</u>	<u>98.267.594.647</u>



Nguyễn Quang Huy
Người lập



Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng



Đậu Văn Diện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		128.425.469.678	124.259.666.189
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.945.918.472	14.424.747.510
03	- Các khoản dự phòng		-	157.169.358
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.309.898	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(62.543.274.454)	(50.427.181.074)
06	- Chi phí lãi vay		44.279.570.749	28.128.894.354
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		121.115.994.343	116.543.296.337
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(309.185.322.149)	(833.662.900.385)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(519.165.210.901)	349.588.185.294
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(362.396.632.220)	298.839.314.649
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		16.490.619.666	16.737.477.062
14	- Tiền lãi vay đã trả		(46.407.225.351)	(25.454.777.238)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.694.266.858)	(25.644.565.271)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.799.595.000)	(1.881.104.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.121.041.638.470)	(104.935.074.052)
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.616.134.545)	(5.875.102.161)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.107.686.342	254.545.454
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(81.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		83.974.796.479	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.568.916.726)	(46.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.161.821.348	8.100.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.422.877.885	30.613.932.506
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		52.482.130.783	(12.906.624.201)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.211.363.325.351	615.644.552.984
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.087.814.465.428)	(427.869.341.472)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(84.628.800.000)	(31.735.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.038.920.059.923	156.039.411.512

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(29.639.447.764)	38.197.713.259
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		254.875.403.305	216.677.690.046
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.309.898	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<u>225.244.265.439</u>	<u>254.875.403.305</u>

Nguyễn Quang Huy
Người lập

Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng



Đậu Văn Diện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP là Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội trước đây là Tổng Công ty Nhà nước chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và của các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật, được thành lập theo Quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 15 tháng 08 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 1.410.480.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.410.480.000.000 đồng; tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện
Chi tiết: Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh Bất động sản; Quản lý vận hành nhà chung cư.)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban quản lý các Dự án Phát triển Nhà và Đô thị	Dự án Khu Đoàn Ngoại Giao - Xuân Đình - Từ Liêm - Hà Nội	Quản lý dự án
Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị và Nhà ở	Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Quản lý, vận hành dự án
Công ty Xây dựng Quốc tế	Số B3B - Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội	Xây dựng
Trung tâm Điều hành và Quản lý dự án	Số 57 phố Quang Trung - TP Hà Nội	Xây dựng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 11 đường D1, phường 25, Bình Thạnh, TP. HCM	Xây dựng
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Hancorp1	Số 57 phố Quang Trung - TP Hà Nội	Xây dựng

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền gửi có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác, bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2015. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25	năm
- Máy móc, thiết bị	05-15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-10	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03-10	năm
- Quyền sử dụng đất	Không khấu hao	
- Phần mềm quản lý	05	năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó, khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50	năm
--------------------------	-------	-----

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần trong 10 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Các khoản chi phí các dự án Bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư, Tổng Công ty trích trước căn cứ vào dự toán các dự án Bất động sản tương ứng với giá trị đã ghi nhận doanh thu trong năm.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước và đã xuất hóa đơn cho một hoặc nhiều năm tài chính về hoạt động kinh doanh bất động sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

0111
CÔNG
NHIỆM
KIỂM
ASO
W-TP

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.462.450.815	2.198.443.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	221.781.814.624	252.676.959.605
	<u>225.244.265.439</u>	<u>254.875.403.305</u>

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng và 12 tháng có giá trị 5.439.250.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sờ Giao dịch 1 với lãi suất từ 4,8%/năm đến 6,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	176.290.636.548	(487.742.566)	156.012.240.855	(4.459.173.328)
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	82.095.789.185	-	82.095.789.185	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	21.994.847.363	-	21.994.847.363	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	32.000.000.000	(487.742.566)	32.000.000.000	(487.742.566)
- Công ty Cổ phần Hancorp 1	10.200.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Hancorp 3	20.000.000.000	-	4.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hantech	10.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	-	-	5.921.604.307	(2.678.180.700)
- Công ty Cổ phần Hancorp	-	-	9.000.000.000	(1.293.250.062)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	695.299.220.710	(129.478.322.872)	856.276.366.403	(125.506.892.110)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	79.244.845.069	-	79.244.845.069	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	2.244.173.656	-	2.244.173.656	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	51.818.406.376	-	51.818.406.376	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	41.757.189.732	-	41.757.189.732	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	11.400.506.542	(1.693.445.350)	11.400.506.542	(1.693.445.350)
- Công ty Cơ khí và Xây dựng	2.845.200.000	-	2.845.200.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc Tế VIGEB A	66.276.227.500	-	66.276.227.500	-
- Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	17.281.041.756	-	17.281.041.756	-

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	18.695.369.553	-	18.695.369.553	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	31.428.272.459	(31.428.272.459)	31.428.272.459	(31.428.272.459)
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	10.863.949.071	(799.071.316)	10.863.949.071	(799.071.316)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	19.022.197.262	(1.775.766.985)	19.022.197.262	(1.775.766.985)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	7.867.733.945	-	7.867.733.945	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	59.604.971.098	-	59.604.971.098	-
- Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	89.810.336.000	(89.810.336.000)	89.810.336.000	(89.810.336.000)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	17.841.887.253	-	17.841.887.253	-
- Công ty Cổ phần Hancorp	8.320.000.000	(1.293.250.062)	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	5.921.604.307	(2.678.180.700)	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	-	175.218.750.000	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	149.555.309.131	-	149.555.309.131	-
Đầu tư vào đơn vị khác	409.458.908.037	(108.077.080.039)	242.772.590.637	(108.077.080.039)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	51.566.075.595	(35.241.657.600)	51.566.075.595	(35.241.657.600)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	175.218.750.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bạch Đằng	5.742.136.341	-	5.742.136.341	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	10.396.438.618	-	10.396.438.618	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sahabak	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ)	83.990.800.000	(72.835.422.439)	83.990.800.000	(72.835.422.439)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng 1 HN (Investco 1)	1.695.579.072	-	1.695.579.072	-

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển CIE-CMC-Vinaconex	1.474.200.000	-	1.474.200.000	-
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	-	-	8.532.432.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	3.488.318.859	-	3.488.318.859	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Gas Đô thị	1.613.940.000	-	1.613.940.000	-
- Công ty Chứng khoán Dầu khí	690.000.000	-	690.000.000	-
- Công ty BOT Xe điện mặt đất số 1	3.216.224.000	-	3.216.224.000	-
- Các khoản đầu tư khác	366.445.552	-	366.445.552	-
	1.281.048.765.295	(238.043.145.477)	1.255.061.197.895	(238.043.145.477)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Số 59 - Phố Quang Trung - TP Hà Nội	50,36%	50,36%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Số 9/12 Đường Thái Mai - Tây Hồ - Hà Nội	50,09%	50,09%	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ Thương mại và Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	95,52%	95,52%	Kinh doanh Bất động sản, tư vấn môi giới
- Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng
- Công ty TNHH MTV Hantech	Hà Nội	100%	100%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Hancorp 1	Hà Nội	64,42%	64,42%	Xây dựng

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Hancorp1: Do tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Hancorp1 trong năm và trở thành Công ty con:

- Về số lượng:	1.020.000	cổ phiếu
- Về giá trị:	10.200.000.000	VND

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Hancorp 3: Do tăng vốn góp vào Công ty TNHH MTV Hancorp 3 trong năm và trở thành Công ty con:

- Về giá trị:	16.000.000.000	VND
---------------	----------------	-----

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Hantech: Do tăng vốn góp vào Công ty TNHH MTV Hantech trong năm và trở thành Công ty con:

- Về giá trị:	9.000.000.000	VND
---------------	---------------	-----

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Hancorp: Do phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hancorp sang khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

- Về số lượng:	832.000	cổ phiếu
- Về giá trị:	8.320.000.000	VND

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2: Do phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2 sang khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

- Về số lượng:	370.600	cổ phiếu
- Về giá trị:	5.921.604.307	VND

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	48 Láng Hạ - Cầu Giấy - Hà Nội	39,33%	39,33%	Xây dựng, bất động sản, tư vấn.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Tầng 1-2 Nhà B5 - Láng Quốc tế Thăng Long	36,00%	36,00%	Tư vấn, thiết kế
- Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Số 205 Lê Duẩn - Nghệ An	32,57%	32,57%	Xây dựng, sản xuất mua bán Vật liệu Xây dựng
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Số 198 - Phố Nguyễn Tuấn - Hà Nội	30,00%	30,00%	Xây dựng

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Phường Nhân Chính Thanh Xuân - Hà Nội	30,61%	30,61%	Xây dựng
- Công ty Cơ khí và Xây dựng	Km 1 Quốc lộ 3 - xã Mai Lâm- Đông Anh- Hà Nội	29,95%	29,95%	Cơ khí và Xây dựng
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc Tế VIGEBBA	Số 45 C Giảng Võ - Ba Đình- Hà Nội	29,44%	29,44%	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản
- Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Số 2A- Ngõ 85 Hạ Đình- Thanh Xuân - Hà Nội	28,53%	28,53%	Xây dựng, kinh doanh Vật liệu Xây dựng
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	31 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	28,07%	28,07%	Xây dựng, sản xuất bê tông
- Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Xã Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội	28,05%	28,05%	Sản xuất bê tông, Xây dựng
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Số 145 - Đốc Ngữ - Ba Đình - TP Hà Nội	27,00%	27,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Làng Quốc tế Thăng Long - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	27,00%	27,00%	Xây dựng, Bất động sản; Tư vấn, quản lý Bất động sản
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	22 Quang Trung - Lê Hồng Phong - Quảng Ngãi	26,09%	26,09%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	243 A La Thành - Láng Thượng - Hà Nội	25,86%	25,86%	Tư vấn, Xây dựng
- Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	Số 3 Phó Đức Chính - Ba Đình - Hà Nội	25,00%	25,00%	Kinh doanh khách sạn
- Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Hà Nội	25,00%	25,00%	Tư vấn
- Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Lô B12/D6 Khu ĐTM Cầu Giấy - Hà Nội	20,59%	20,59%	Sản xuất và kinh doanh bê tông đúc sẵn. Xây dựng, bất động sản
- Công ty Cổ phần Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	27,73%	27,73%	Sản xuất bê tông, Vật liệu Xây dựng; Xây dựng.
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Xã Quảng Thịnh - Quảng Xương - Thanh Hoá	46,07%	46,07%	Xây dựng, Tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Số 192 - Đường Ba La - Thị xã Hà Đông - Hà Tây	21,37%	21,37%	Sản xuất Xi măng

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cá: Do phân loại lại khoản đầu tư vào này sang các khoản đầu tư khác.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: (Chi tiết tại thuyết minh 38)

Đầu tư vào đơn vị khác						
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	Số 201 Võ Thị Sáu - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh	19,75%	19,75%	Bất động sản, xây dựng		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	57 Quang Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội	14,09%	14,09%	Đầu tư dự án Hàm đường bộ qua Đèo Cả.		
- Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Ngõ 44 Hàm Từ Quan - Chương Dương - Hà Nội	18%	18%	Thi công san nền, Xây dựng, tư vấn		
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Số 243 La Thành - Đống Đa - Hà Nội	19,66%	19,66%	Xây lắp		
- Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	Tuyên Quang	15%	15%	Thủy điện		
- Công ty Cổ phần Sahabak	Chợ mới - Bắc Kạn	12%	12%	Sản xuất và chế biến gỗ		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ)	Số 201 Võ Thị Sáu - quận 3 - TP HCM	11,27%	11,27%	Đầu tư		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Đà Nẵng	10%	10%	Khai thác ga sân bay		
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng 1 HN (Investco 1)	Hà Nội	6%	6%	Xây lắp		
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển CIE-CMC-Vinaconex	Hà Nội	3%	3%	Xây lắp		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	Việt Nam	2%	2%	Xây dựng		
- Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	Hà Nội	2%	2%	Đầu tư		
- Công ty Cổ phần Gas Đô thị	Hà Nội	1%	1%	Xây lắp		
- Công ty Chứng khoán Dầu khí	Hà Nội	0,20%	0,20%	Chứng khoán		
- Công ty BOT Xe điện mặt đất số 1	TP Hồ Chí Minh	1%	1%	Kinh doanh vận tải		

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư khác: Trong năm Tổng Công ty thực hiện bán toàn phần vốn tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, giá trị: 8.532.432.600 đồng.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	39.620.960.578	147.363.871.074
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	10.501.121.568	5.471.049.956
Công ty Cổ phần Thi Công cơ giới và Xây lắp	18.360.868.556	9.101.874.415
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	13.309.961.066	7.577.062.068
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Mê Linh	7.216.812.869	3.150.681.649
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	9.340.496.406	5.428.283.320
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	1.019.748.645	1.019.748.645
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	2.254.195.200	2.254.195.200
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	22.688.892.738	22.548.592.741
Sở y tế Long An - Bệnh viện nhi Long An	6.966.991.869	568.606.569
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - Bến Tre	6.993.286.311	15.816.563.027
Bệnh viện nhi Trung ương	59.535.029.703	-
Đại học Thủy Lợi (Hưng Yên)	182.219.583.680	13.524.316.250
Ban điều hành Dự án DA239/05- Bộ Công An	116.675.120.000	164.918.125.000
Ban quản lý Dự án Xây dựng Ký túc xá Sinh viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	12.014.818.827	35.611.108.273
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình (mới)	39.800.757.401	28.836.536.558
Ban Quản lý Dự án các Công trình Xây dựng tỉnh Sóc Trăng	16.957.089.925	14.941.048.926
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	18.027.216.500	-
Khách hàng khác	1.708.824.058.809	1.517.560.528.846
	2.292.327.010.651	1.995.692.192.517
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	135.893.941.182	220.784.465.531

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Xuân Thịnh	46.142.706.045	-	-	-
Công ty Cổ phần Armephaco	16.500.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	10.997.935.552	-	-	-
Công ty Cổ phần Citigo Việt Nam	8.044.960.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Thành Nam	8.092.155.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Hancorp	43.678.162.719	-	200.895.049.767	-

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	12,288,950,044	-	-	-
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	21,856,245,905	-	10,319,582,639	-
Công ty TNHH Kiến trúc Phong cảnh Hà Nội	5,860,426,000	-	7,144,431,100	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	11,432,349,609	-	11,313,781,923	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	34,481,143,786	-	503,223,500	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Hà	12,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Thang máy và Thiết bị Thăng Long	21,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	37,397,108,866	-	32,397,108,866	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	-	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	159,539,091,959	-	196,404,917,451	-
	449,311,235,485	-	458,978,095,246	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	182,816,094,139	-	278,921,503,663	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)				

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa (*)	217.713.220.055	-	216.564.789.734	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	11.124.378	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	60.967.925	-	-	-
- Tạm ứng	3.925.986.391	-	6.557.063.288	-
- Ký cược, ký quỹ	10.902.590.456	-	2.000.000.000	-
- Công ty Cơ khí và Xây dựng: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	26.203.238.161	-	24.768.759.161	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	17.589.081.030	-	17.302.131.230	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	1.318.860.903	-	1.318.860.903	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	60.314.416.980	-	54.202.792.083	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco): phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	37.025.530.002	-	35.480.197.002	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	1.524.544.444	-	1.178.850.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	7.101.689.585	-	5.211.689.585	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ): phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	6.473.927.000	-	6.473.927.000	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	6.749.599.628	-	7.152.539.115	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	5.460.009.062	-	2.036.125.639	-

- Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	13.945.977.052	-	6.134.871.249
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	9.071.848.369	-	17.201.141.534
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	7.806.332.912	-	4.637.444.209
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	61.816.853.267	-	58.623.025.267
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	10.913.152.759	-	13.809.874.977
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	9.336.314.770	-	7.062.482.770
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	22.345.592.364	-	13.115.799.524
- Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	24.062.490.878	-	27.381.490.878
- Công ty TNHH MTV Hancorp 3: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	9.441.242.272	-	7.236.423.000
- Công ty TNHH MTV Hantech: phải thu tiền cổ tức, phí bảo lãnh, tiền ứng trước thi công...	5.345.291.815	-	3.000.000.000
- Phải thu khác	22.846.537.086	-	42.721.339.143
	599.306.419.544	-	581.171.617.291
b) Dài hạn			
- Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000
	1.000.000.000	-	1.000.000.000

(*) Đến thời điểm 31/12/2016 Ban chỉ đạo Cổ phần hóa vẫn chưa phê duyệt Báo cáo quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty.



8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Thủ Đô	40.117.351	-	40.117.351	-
Các đối tượng khác	117.052.007	-	117.052.007	-
	157.169.358	-	157.169.358	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.519.084.837.807	-	999.920.904.704	-
Hàng hoá	23.771.603	-	22.493.805	-
	1.519.108.609.410	-	999.943.398.509	-

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Dự án		
Dự án Khu nhà N01-NG, N02-NG Ngoại giao đoàn	64.844.968.926	59.195.100.000
Dự án Nhà ở cao tầng N01-T8-NGĐ	206.754.645.953	112.981.525.475
Dự án BT1 đến BT6 Ngoại giao đoàn	611.405.275.041	297.285.179.000
Khu Biệt thự Ngoại giao đoàn	143.633.844.483	105.707.557.501
Khu Đoàn ngoại giao - NO4A	205.753.787.439	122.715.932.670
Dự án 2 tuyến đường Ngân sách Thành phố qua Dự án Ngoại Giao đoàn	79.556.483.034	79.443.138.489
Dự án Khu nhà N04CC Ngoại giao đoàn	21.101.445.094	-
Các công trình xây lắp		
Công trình siêu thị VP 389 Đê La Thành	1.309.574.766	4.754.958.218
GT07- Đại học Thủy Lợi (Hưng Yên)	-	13.240.856.823
Gói thầu Depo05	24.727.628.107	28.237.902.178
Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1	60.622.148.133	80.778.477.554
Nâng cấp, cải tạo Kênh Bắc đoạn 3	15.844.628.975	8.358.990.596
Tòa nhà hỗn hợp N01-T6, T7 Ngoại Giao đoàn	5.797.270.381	-
Khu nhà ở xã hội - xã Tiên Dương	2.249.354.456	-
Trung tâm Bồi dưỡng Đào tạo Cán bộ Ngành Tài chính TPHCM	2.117.168.112	529.602.842
Các công trình khác	73.366.614.907	87.221.286.200
	1.519.084.837.807	1.000.450.507.546

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Mua sắm tài sản cố định	560.150.000	560.150.000
Đầu tư đất Đông Anh	560.150.000	560.150.000
	560.150.000	560.150.000

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	61.081.193.272	4.802.496.952	20.472.609.445	3.537.550.411	89.893.850.080					
- Mua trong năm	-	141.000.000	1.475.134.545	-	1.616.134.545					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.906.000.000)	-	(2.906.000.000)					
- Góp vốn vào công ty con (*)	(11.041.502.727)	-	-	-	(11.041.502.727)					
Số dư cuối năm	50.039.690.545	4.943.496.952	19.041.743.990	3.537.550.411	77.562.481.898					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	18.122.721.730	2.955.357.471	14.701.509.653	3.223.689.554	39.003.278.408					
- Khấu hao trong năm	1.570.670.472	511.965.057	2.835.794.495	237.955.093	5.156.385.117					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.485.586.385)	-	(2.485.586.385)					
- Khấu hao giảm do góp vốn (*)	(1.769.525.817)	-	-	-	(1.769.525.817)					
Số dư cuối năm	17.923.866.385	3.467.322.528	15.051.717.763	3.461.644.647	39.904.551.323					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	42.958.471.542	1.847.139.481	5.771.099.792	313.860.857	50.890.571.672					
Tại ngày cuối năm	32.115.824.160	1.476.174.424	3.990.026.227	75.905.764	37.657.930.575					

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.626.600.196 đồng.

(*) Trong năm, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - Công ty Cổ phần có thực hiện góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Hancorp 3 từ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bằng tài sản của Chi nhánh, tổng giá trị nguyên giá tại thời điểm góp vốn là 11.041.502.727 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm bàn giao là 1.769.525.817 đồng.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
		VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.297.200.000	117.500.000	2.772.000.000	4.186.700.000
Số dư cuối năm	1.297.200.000	117.500.000	2.772.000.000	4.186.700.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		117.500.000	531.502.097	649.002.097
- Khấu hao trong năm	-	-	106.505.000	106.505.000
Số dư cuối năm	-	117.500.000	638.007.097	755.507.097
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.297.200.000	-	2.240.497.903	3.537.697.903
Tại ngày cuối năm	1.297.200.000	-	2.133.992.903	3.431.192.903

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 117.500.000 đồng

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Tổ hợp nhà trẻ, bể bơi, tầng hầm tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	Trung tâm thương mại tại Tổ hợp 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	118.204.444.542	154.389.662.825	272.594.107.367
Số dư cuối năm	118.204.444.542	154.389.662.825	272.594.107.367
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.468.141.811	9.119.935.731	15.588.077.542
- Khấu hao trong năm	2.595.235.098	3.087.793.257	5.683.028.355
Số dư cuối năm	9.063.376.909	12.207.728.988	21.271.105.897
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	111.736.302.731	145.269.727.094	257.006.029.825
Tại ngày cuối năm	109.141.067.633	142.181.933.837	251.323.001.470

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	253.011.176
	-	253.011.176
b) Dài hạn		
Giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển (theo đánh giá cổ phần hóa)	122.176.596.977	138.225.217.766
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.714.594.727	2.879.619.594
Chi phí sửa chữa	2.281.977.374	1.305.940.208
	126.173.169.078	142.410.777.568

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		31/12/2016			
	Giá trị Số có khả năng trả nợ		Giá trị Số có khả năng trả nợ			
	VND	VND	Tăng	Giảm		
a) Vay ngắn hạn	476.059.902.441	476.059.902.441	1.152.832.968.111	910.885.390.338	718.007.480.214	718.007.480.214
Vay ngắn hạn	414.703.624.951	414.703.624.951	788.546.944.911	849.529.112.848	353.721.457.014	353.721.457.014
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	122.217.912.695	122.217.912.695	426.177.300.910	376.188.824.391	172.206.389.214	172.206.389.214
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	141.027.865.342	141.027.865.342	355.016.915.325	326.025.707.585	170.019.073.082	170.019.073.082
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	23.591.708.401	23.591.708.401	-	23.591.708.401	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	8.344.633.689	8.344.633.689	2.186.270.617	9.769.739.930	761.164.376	761.164.376
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	8.618.625.101	8.618.625.101	-	8.618.625.101	-	-
- Các đối tượng khác	110.902.879.723	110.902.879.723	5.166.458.059	105.334.507.440	10.734.830.342	10.734.830.342
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	61.356.277.490	61.356.277.490	364.286.023.200	61.356.277.490	364.286.023.200	364.286.023.200
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	61.356.277.490	61.356.277.490	-	61.356.277.490	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	-	364.286.023.200	-	364.286.023.200	364.286.023.200
	476.059.902.441	476.059.902.441	1.152.832.968.111	910.885.390.338	718.007.480.214	718.007.480.214

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	412.068.754.751	10.000.000.000	402.068.754.751	402.068.754.751
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	172.738.367.580	172.738.367.580	498.590.860.000	111.329.227.580	560.000.000.000	560.000.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	81.402.789.000	81.402.789.000	512.156.765.689	116.956.125.000	476.603.429.689	476.603.429.689
	254.141.156.580	254.141.156.580	1.422.816.380.440	238.285.352.580	1.438.672.184.440	1.438.672.184.440
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(61.356.277.490)	(61.356.277.490)	(364.286.023.200)	(61.356.277.490)	(364.286.023.200)	(364.286.023.200)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	192.784.879.090	192.784.879.090			1.074.386.161.240	1.074.386.161.240
Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn						
	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo		01/01/2016	31/12/2016
					VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	9,5%	Quyền đòi nợ		122.217.912.695	172.206.389.214
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	VND	9,5%	Tiền gửi và các khoản ký quỹ tại Ngân hàng		141.027.865.342	170.019.073.082
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	VND	9,9%	Quyền đòi nợ		23.591.708.401	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	VND	Điều chỉnh	Tín chấp		8.344.633.689	761.164.376
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	VND	Điều chỉnh	Tín chấp		8.618.625.101	-
Các đối tượng khác	VND	Điều chỉnh	Quyền mua căn hộ, chung cư		110.902.879.723	10.734.830.342
					414.703.624.951	353.721.457.014

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	01/01/2016	31/12/2016
				VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.5% - 10.9%	Năm 2019	Tài sản thuộc dự án Khu đoàn ngoại giao	-	402.068.754.751
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	9.9% - 10.5%	Tháng 2/2017	Quyền đòi nợ	172.738.367.580	560.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	8.8% - 9.3%	Năm 2018	Hợp đồng thế chấp quyền tài sản	81.402.789.000	476.603.429.689
				254.141.156.580	1.438.672.184.440
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				61.356.277.490	364.286.023.200
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				192.784.879.090	1.074.386.161.240

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	9.812.529.212	9.812.529.212	30.001.478.381	30.001.478.381
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	1.042.081.927	1.042.081.927	1.147.415.317	1.147.415.317
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	15.719.413.776	15.719.413.776	-	-
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	29.915.560.783	29.915.560.783	20.272.428.929	20.272.428.929
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	7.306.250.883	7.306.250.883	22.378.941.170	22.378.941.170
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	1.265.266.754	1.265.266.754	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	44.250.040.855	44.250.040.855	75.367.757.513	75.367.757.513
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	5.789.787.762	5.789.787.762	3.342.272.498	3.342.272.498
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	12.936.910.688	12.936.910.688	12.936.910.688	12.936.910.688
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	6.259.764.582	6.259.764.582	4.460.418.003	4.460.418.003
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	1.084.920.030	1.084.920.030	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	4.960.239.551	4.960.239.551	6.485.102.692	6.485.102.692
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hà Nội	36.167.000.000	36.167.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	7.063.855.402	7.063.855.402	11.283.411.842	11.283.411.842
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	26.626.146.099	26.626.146.099	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Mé Linh	16.636.771.523	16.636.771.523	-	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Tin học Thu Thủy	7.866.998.151	7.866.998.151	7.677.487.600	7.677.487.600
Phải trả các đối tượng khác	171.594.685.007	171.594.685.007	336.728.813.451	336.728.813.451
	406.298.222.985	406.298.222.985	532.082.438.084	532.082.438.084
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	142.241.060.734	142.241.060.734	233.348.108.386	233.348.108.386

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn theo số dư lớn		
Xây dựng Bệnh viện Mộc Hóa	98.514.184.100	-
Ban quản lý dự án Giao thông Khu vực Cảng Cái Mép	39.520.145.194	-
Cơ sở hạ tầng khu đại sứ quán Ngoại giao đoàn	320.140.600.000	35.000.000.000
Cục Viễn thông	93.617.100.000	-
Ban quản lý GT05 - Đường sắt Đô thị Hà Nội	31.536.803.055	87.241.035.647
Ban quản lý dự án Xây dựng Công trình Trục thuộc Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	9.266.958.000	-
Kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội	25.621.500.000	-
Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa	23.884.883.000	-
Ban quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	147.396.560.340	65.648.461.097
Bệnh viện nhi Trung Ương	-	95.194.070.113
Bệnh viện nhi Việt Đức - Cờ sò 2	63.342.050.800	118.821.969.000
Người mua trả tiền trước khác	141.229.413.911	228.952.682.410
	994.070.198.400	630.858.218.267

HẠN
 TOÁN
 3C
 M-TP

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		7.581.139.816		30.861.246.189		16.506.028.916		-		21.936.357.089	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		8.451.934.593		27.189.859.119		18.694.266.858		-		16.947.526.854	
Thuế Thu nhập cá nhân	2.400.000		1.309.169.254		1.649.843.455		1.919.246.604		-		1.037.366.105	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		971.373.447.900		921.068.552.988		1.811.666.781.988		-		80.775.218.900	
Các loại thuế khác	-		2.157.071.109		811.835.362		2.968.906.471		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		41.923.573.774		14.544.510.534		56.468.084.308		-		-	
	2.400.000		1.032.796.336.446		996.125.847.647		1.908.223.315.145		-		120.696.468.948	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.119.251.871	3.246.906.473
- Trích trước chi phí các công trình xây dựng	377.021.743.277	353.241.656.624
- Trích trước chi phí các dự án Bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư	732.467.001.079	647.746.588.320
- Chi phí phải trả khác	207.741.692	229.202.050
	1.110.815.737.919	1.004.464.353.467

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	866.726.698	578.957.038
- Bảo hiểm xã hội	386.867.318	237.709.942
- Bảo hiểm thất nghiệp	72.544.457	83.333.648
- Phí bảo trì 2% - Dự án 28 tầng Làng quốc tế Thăng Long	12.842.112.270	7.360.121.029
- Số dư quỹ Khen thưởng, phúc lợi chia cho người lao động khi cổ phần hóa	5.119.935.318	5.119.935.318
- Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	9.793.145.000	9.793.145.000
- Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Sahabak	13.000.000.000	13.000.000.000
- Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Bất động sản Hancorp	-	680.000.000
- Tiền quản lý mặt bằng, tiền điện, tiền nước phải trả các nhà thầu tại dự án khu Hạ tầng ngoại giao đoàn	7.489.071.409	3.935.076.900
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.590.949.481	28.479.022.760
	72.161.351.951	69.267.301.635
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	403.991.300	-
	403.991.300	-

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu cho thuê nhà (Xí nghiệp Dịch vụ)	32.772.727	32.772.728
	32.772.727	32.772.728
b) Dài hạn		
- HĐ 386/2010 - Hạ tầng biệt thự Ngoại giao đoàn		
- Trung tâm thương mại khối 3 tầng Dự án tổ hợp Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long (*)	180.428.169.393	184.375.942.307
- Doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án nhà công vụ N04A Ngoại giao đoàn	286.399.427.224	117.722.327.070
- Doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án Nhà ở cao tầng N01-T8- Ngoại giao đoàn	62.812.241.278	-
- Các khoản khác	273.000.000	-
	529.912.837.895	302.098.269.377

(*) Đây là doanh thu nhận trước tiền thuê trung tâm thương mại theo hợp đồng cho thuê ngày 29/11/2012 giữa Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương tổng giá trị hợp đồng là 218 tỷ, thời hạn cho thuê 50 năm.

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.410.480.000.000	-	49.732.700.293	1.460.212.700.293
Lãi trong năm trước	-	-	98.267.594.647	98.267.594.647
Phân phối lợi nhuận	-	5.413.630.964	(42.644.061.928)	(37.230.430.964)
Tăng khác	-	-	2.342.597.693	2.342.597.693
Số dư cuối năm trước	1.410.480.000.000	5.413.630.964	107.698.830.705	1.523.592.461.669
Số dư đầu năm nay	1.410.480.000.000	5.413.630.964	107.698.830.705	1.523.592.461.669
Lãi trong năm nay	-	-	103.785.983.559	103.785.983.559
Phân phối lợi nhuận	-	4.916.301.141	(94.461.402.282)	(89.545.101.141)
Giảm khác	-	-	(16.343.977.235)	(16.343.977.235)
Số dư cuối năm nay	1.410.480.000.000	10.329.932.105	100.679.434.747	1.521.489.366.852

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01 ngày 25/05/2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	100,00%	98.326.022.814
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	4.916.301.141
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	4.916.301.141
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	86,07%	84.628.800.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3,93%	3.864.620.532

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Nhà nước (Bộ Xây dựng)	98,83%	1.393.996.080.000	98,83%	1.393.996.080.000
Các cổ đông khác	1,17%	16.483.920.000	1,17%	16.483.920.000
	100%	1.410.480.000.000	100%	1.410.480.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
- Vốn góp cuối năm	1.410.480.000.000	1.410.480.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	84.628.800.000	31.735.800.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	84.628.800.000	31.735.800.000

d) Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.048.000	141.048.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.048.000	141.048.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>141.048.000</i>	<i>141.048.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.048.000	141.048.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>141.048.000</i>	<i>141.048.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.329.932.105	5.413.630.964
	10.329.932.105	5.413.630.964
23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	19.033,48	19.060,98
LAK - Kíp Lào	83.240	83.240
24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp vật tư	27.227.888.886	44.444.494.457
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.443.801.628	29.095.259.671
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.017.678.588.644	947.543.501.576
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.603.617.323.715	1.388.602.931.810
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm</i>	<i>1.603.617.323.715</i>	<i>1.388.602.931.810</i>
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính</i>	<i>4.228.131.144.012</i>	<i>4.622.698.838.885</i>
	2.670.967.602.873	2.409.686.187.514
25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	27.194.977.720	44.412.816.956
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.146.024.224	9.461.919.411
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	867.315.362.022	796.966.073.882
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.596.273.862.163	1.373.262.755.505
	2.508.930.226.129	2.224.103.565.754

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	16.309.835.179	10.586.403.884
Lãi bán các khoản đầu tư	11.629.388.748	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.916.777.800	40.587.839.733
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.309.898	-
Lãi chậm trả	15.025.718.497	-
	76.890.030.122	51.174.243.617

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	44.279.570.749	28.128.894.354
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	747.062.543
	44.279.570.749	28.875.956.897

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	369.699.251	-
Chi phí nhân công	28.403.514.529	26.611.956.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.930.584.381	8.722.769.540
Giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển (theo đánh giá cổ phần hóa)	16.048.620.789	16.048.620.789
Chi phí dự phòng	-	157.169.358
Thuế, phí, lệ phí	2.153.732.920	2.768.597.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.961.771.773	20.942.069.947
Chi phí khác bằng tiền	2.430.580.521	8.206.291.097
	71.298.504.164	83.457.475.239

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	687.272.727	29.625.339
Thu nhập từ thu tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	9.444.092.663	10.649.439.209
Cho thuê văn phòng, địa điểm	4.611.008.333	1.439.877.502
Thu tiền nước thu các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long	11.290.645.570	4.520.338.953
Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho Hancorp5	-	3.500.000.000
Thu nhập khác	1.655.108.729	474.690.842
	27.688.128.022	20.613.971.845

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	5.481.704.708	10.409.729.287
Khấu hao TSCĐ không dùng	620.057.113	244.491.882
Chi phí tiền nước chi cho các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long	11.011.972.166	4.530.624.944
Phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế, phạt khác	1.250.164.013	2.678.620.017
Chi phí khác	4.202.942.820	2.914.272.767
	22.566.840.820	20.777.738.897

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	128.425.469.678	124.259.666.189
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản	5.228.039.081	6.440.660.833
Các khoản điều chỉnh tăng	3.753.042.573	4.170.297.663
- Chi phí không hợp lệ	3.070.711.101	3.229.683.672
- Khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ	326.408.105	180.656.966
- Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách	355.923.367	355.923.367
- Hóa đơn trên 20 triệu thanh toán tiền mặt, hóa đơn bỏ trốn	-	404.033.658
Các khoản điều chỉnh giảm	(33.916.777.800)	(40.587.839.733)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(33.916.777.800)	(40.587.839.733)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(24.935.696.146)	(29.976.881.238)
Chi phí thuế TNDN hiện hành chưa bao gồm hoạt động kinh doanh Bất động sản (1)	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN hoạt động kinh doanh bất động sản	123.197.430.597	117.819.005.356
Thu nhập chịu thuế TNDN	123.197.430.597	117.819.005.356
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán nhà nước	-	71.890.364
Chi phí thuế TNDN hiện hành hoạt động Bất động sản (2)	24.639.486.119	25.992.071.542
Thuế TNDN tạm nộp trên số tiền thu trước của hoạt động kinh doanh bất động sản (3)	2.550.373.000	1.294.946.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (4) = (1) + (2) + (3)	27.189.859.119	27.287.017.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	8.451.934.593	6.780.040.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp bàn giao cho Công ty con	-	29.441.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(18.694.266.858)	(25.644.565.271)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	16.947.526.854	8.451.934.593

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.486.786.750	2.936.413.750
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.486.786.750	2.936.413.750

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.550.373.000)	(1.294.946.000)
	(2.550.373.000)	(1.294.946.000)

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.565.492.513	157.291.988.790
Chi phí nhân công	56.944.367.280	87.725.857.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.945.918.472	14.424.747.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.995.247.741.147	1.667.192.643.117
Chi phí khác bằng tiền	9.734.293.461	32.624.029.885
	3.099.437.812.873	1.959.259.266.846

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	225.244.265.439	-	254.875.403.305	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.892.633.430.195	(157.169.358)	2.577.863.809.808	(157.169.358)
Các khoản cho vay	5.439.250.000	-	8.414.046.479	-
Đầu tư dài hạn	409.458.908.037	(108.077.080.039)	242.772.590.637	(108.077.080.039)
	3.532.775.853.671	(108.234.249.397)	3.083.925.850.229	(108.234.249.397)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.792.393.641.454	668.844.781.531
Phải trả người bán, phải trả khác	478.863.566.236	601.349.739.719
Chi phí phải trả	1.110.815.737.919	1.004.464.353.467
	3.382.072.945.609	2.274.658.874.717

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	225.244.265.439	-	-	225.244.265.439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.891.476.260.837	1.000.000.000	-	2.892.476.260.837
Các khoản cho vay	5.439.250.000	-	-	5.439.250.000
Đầu tư dài hạn	-	301.381.827.998	-	301.381.827.998
	3.122.159.776.276	302.381.827.998	-	3.424.541.604.274

Tại ngày 01/01/2016

Tiền và các khoản tương đương tiền	254.875.403.305	-	-	254.875.403.305
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.576.706.640.450	1.000.000.000	-	2.577.706.640.450
Các khoản cho vay	8.414.046.479	-	-	8.414.046.479
Đầu tư dài hạn	-	134.695.510.598	-	134.695.510.598
	2.839.996.090.234	135.695.510.598	-	2.975.691.600.832

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	718.007.480.214	1.074.386.161.240	-	1.792.393.641.454
Phải trả người bán, phải trả khác	478.459.574.936	403.991.300	-	478.863.566.236
Chi phí phải trả	1.110.815.737.919	-	-	1.110.815.737.919
	2.307.282.793.069	1.074.790.152.540	-	3.382.072.945.609
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	476.059.902.441	192.784.879.090	-	668.844.781.531
Phải trả người bán, phải trả khác	601.349.739.719	-	-	601.349.739.719
Chi phí phải trả	1.004.464.353.467	-	-	1.004.464.353.467
	2.081.873.995.627	192.784.879.090	-	2.274.658.874.717

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	2.211.363.325.351	615.644.552.984
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.087.814.465.428	427.869.341.472

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.603.617.323.715	1.017.678.588.644	49.671.690.514	2.670.967.602.873	2.670.967.602.873
Giá vốn hàng bán	1.596.273.862.163	867.315.362.022	45.341.001.944	2.508.930.226.129	2.508.930.226.129
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.343.461.552	150.363.226.622	4.330.688.570	162.037.376.744	162.037.376.744
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	-	1.616.134.545
Tài sản bộ phận	715.092.934.350	1.407.414.929.022	32.596.374.278	2.155.104.237.650	2.155.104.237.650
Tài sản không phân bổ	-	-	-	4.405.363.013.184	4.405.363.013.184
Tổng tài sản	715.092.934.350	1.407.414.929.022	32.596.374.278	6.560.467.250.834	6.560.467.250.834
Nợ phải trả bộ phận	917.285.137.348	70.784.600.691	3.313.251.173	991.382.989.212	991.382.989.212
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.047.594.894.770	4.047.594.894.770
Tổng nợ phải trả	917.285.137.348	70.784.600.691	3.313.251.173	5.038.977.883.982	5.038.977.883.982

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Mua hàng		1.006.059.680.392	357.503.531.473
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	65.535.294.113	-
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty con	366.236.760.623	-
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con	48.084.900.386	-
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	3.835.334.107	-
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con	59.650.263.723	25.770.809.229
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	11.551.798.319	4.933.516.470
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	51.588.502.156	13.177.693.454
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	10.173.309.091	1.883.843.636
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Công ty liên kết	22.509.232.819	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	3.711.486.503	2.048.229.900
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	28.883.150.937	13.754.035.041
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Công ty liên kết	99.667.897.480	83.799.264.209
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	104.232.093.036	33.579.189.501
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	7.514.239.593	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	47.290.488.045	66.650.766.350
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Công ty liên kết	75.594.929.461	94.127.474.429
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	-	5.565.041.980
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	12.213.667.274
Lãi ứng trước phải thu		8.840.561.071	10.539.115.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	-	1.418.140.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Công ty con	3.193.828.000	4.797.173.000
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con	971.148.000	666.407.000
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Đầu tư khác	819.267.860	1.541.111.000
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	994.572.835	297.297.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết	345.694.444	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết	386.597.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	24.145.000	24.080.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Đầu tư khác	-	258.396.000
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	670.828.932	105.951.000
Công ty Cơ khí và Xây dựng	Công ty liên kết	1.434.479.000	1.430.560.000

Cổ tức		33.204.772.800	39.578.498.333
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	4.028.865.000	4.028.865.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	1.777.635.800	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp Quảng Ngãi	Công ty liên kết	900.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	12.585.200.000	6.292.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	-	5.991.960.000
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	1.050.000.000	735.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	2.273.832.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	405.000.000	1.323.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	1.890.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	147.600.000	110.700.000
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Công ty liên kết	196.640.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA	Công ty liên kết	7.950.000.000	20.496.373.333

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		135.893.941.182	220.784.465.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	39.620.960.578	147.363.871.074
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Công ty con	18.027.216.500	17.919.201.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	666.729.327	380.944.679
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con	662.626.028	437.356.578
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	9.562.998	-
Công ty Cơ khí và Xây dựng	Công ty liên kết	349.600	349.600
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	278.168.118	305.754.118
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty liên kết	2.254.195.200	2.254.195.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	Công ty liên kết	1.019.748.645	1.019.748.645
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết	58.575.708	28.634.741
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	678.620.267	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	22.688.892.738	22.548.592.741
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Công ty liên kết	13.309.961.066	7.577.062.068
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	18.360.868.556	9.101.874.415
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	8.518.200	8.518.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	3.899.150.105	3.279.040.332
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	13.316.910	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết	43.237.200	22.771.200

Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	8,529,000	-
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	169,896,043	130,101,043
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần BOT Phú Mỹ)	Đầu tư vào đơn vị khác	498,756,079	523,286,079
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	Đầu tư vào đơn vị khác	306,101,250	306,101,250
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Đầu tư vào đơn vị khác	13,309,961,066	7,577,062,068
Trả trước cho người bán ngắn hạn		182,816,094,139	278,921,503,663
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty con	43,678,162,719	200,895,049,767
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con	-	5,460,916,584
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Công ty con	492,572,890	492,572,890
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con	21,856,245,905	10,319,582,639
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	5,221,745,072	170,925,743
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết	-	7,933,928,201
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	11,432,349,609	11,313,781,923
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	34,481,143,786	503,223,500
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Công ty liên kết	755,056,746	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	4,214,822,950	9,434,413,550
Công ty Cổ phần Xây dựng Bào tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	10,997,935,552	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	12,288,950,044	-
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	37,397,108,866	32,397,108,866
Phải thu khác ngắn hạn		340,711,501,217	309,751,337,001
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	60,314,416,980	54,202,792,083
Công ty Cổ phần Hancorp	Công ty con	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con	9,071,848,369	17,201,141,534
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Công ty con	61,816,853,267	58,623,025,267
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	10,913,152,759	13,809,874,977
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	Công ty con	9,441,242,272	7,236,423,000
Công ty TNHH MTV Hantech	Công ty con	5,345,291,815	3,000,000,000
Công ty Cơ khí và Xây dựng	Công ty liên kết	26,203,238,161	24,768,759,161
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	17,589,081,030	17,302,131,230
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty liên kết	1,318,860,903	1,318,860,903
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	Công ty liên kết	37,025,530,002	35,480,197,002
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết	1,524,544,444	1,178,850,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Công ty liên kết	7,101,689,585	5,211,689,585
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Công ty liên kết	6,749,599,628	7,152,539,115
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	5,460,009,062	2,036,125,639

Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Công ty liên kết	418.451.089	-
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	13.945.977.052	6.134.871.249
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Công ty liên kết	2.473.665.417	2.449.520.417
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	7.806.332.912	4.637.444.209
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	9.336.314.770	7.062.482.770
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết	22.345.592.364	13.115.799.524
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	24.062.490.878	27.381.490.878
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Công ty liên kết	447.318.458	447.318.458
Phải trả cho người bán ngắn hạn		142.241.060.734	233.348.108.386
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Công ty con	7.063.855.402	11.283.411.842
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Công ty con	26.626.146.099	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Công ty con	4.960.239.551	6.485.102.692
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Công ty con	7.306.250.883	22.378.941.170
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.042.081.927	1.147.415.317
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Công ty liên kết	1.084.920.030	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	Công ty liên kết	12.936.910.688	12.936.910.688
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Công ty liên kết	1.265.266.754	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Công ty liên kết	-	22.731.685.084
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Công ty liên kết	-	34.914.076.453
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Công ty liên kết	29.915.560.783	20.272.428.929
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	Công ty liên kết	-	19.417.588.373
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Công ty liên kết	-	3.070.517.827
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	Công ty liên kết	44.250.040.855	75.367.757.513
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Công ty liên kết	5.789.787.762	3.342.272.498

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4,287,163,600	3,057,890,000

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán và điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	136	581,171,617,291	580,935,023,041
Thuế GTGT được khấu trừ	152	1,599,905,452	1,307,579,959
Bất động sản đầu tư	230	257,006,029,825	253,194,291,743
<i>Nguyên giá</i>	<i>231</i>	<i>272,594,107,367</i>	<i>268,704,578,712</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>232</i>	<i>(15,588,077,542)</i>	<i>(15,510,386,969)</i>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1,032,796,336,446	1,030,849,716,061
Phải trả ngắn hạn khác	319	69,267,301,635	65,377,772,980
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	32,772,728	303,536,181,055
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	107,698,830,705	107,756,410,242
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>	<i>9,431,236,058</i>	<i>9,430,387,428</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>	<i>98,267,594,647</i>	<i>98,326,022,814</i>
		-	-
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	11	2,224,103,565,754	2,224,170,315,307
Doanh thu hoạt động tài chính	21	51,174,243,617	51,079,323,788
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27,287,017,542	27,215,127,178



Nguyễn Quang Huy
Người lập



Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng



Đậu Văn Diện
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2017